TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
1	Dương Nguyễn Hoàng	An	19118001	31/05/2001	6.00	5.00	5.00	7.50	8.60	6.40	x
2	Nguyễn Huyền Trang Hồng	An	19112003	20/11/2001	6.80	8.50	6.00	8.00	7.10	7.30	x
3	Hà Nguyễn Hoàng	An	19115001	26/09/2001	6.80	8.80	8.80	7.30	6.80	7.70	x
4	Nguyễn Hữu Thu	An	20122235	16/06/2002	5.90	6.00	5.50	8.30	5.60	6.30	x
5	Phạm Quốc	An	20127093	04/04/2002	5.90	6.50	6.30	6.80	1.00	5.30	
6	Trần Thị Mỹ	An	20115003	29/04/2002	7.00	5.90	3.40	8.10	7.00	6.30	
7	Trương Thị Mỹ	An	19125476	23/05/2001	5.60	5.00	5.00	7.50	6.30	5.90	x
8	Hà Phan Hoàng	Anh	19128005	12/11/2001	6.60	6.50	5.50	7.30	3.50	5.90	
9	Hà Thị Linh	Anh	18120004	06/01/2000	7.30	5.30	7.30	8.30	7.60	7.20	x
10	Hà Tuyết	Anh	19126007	24/08/2001	6.30	7.00	7.30	8.40	8.10	7.40	x
11	Huỳnh Quốc	Anh	19145002	30/08/2001	6.60	5.60	5.60	8.10	8.10	6.80	x
12	Lê Minh	Anh	22123005	18/05/2004	7.90	7.60	8.10	8.10	6.00	7.50	x
13	Lê Thị Kim	Anh	16120009	20/01/1997	7.60	8.00	6.00	10.00	7.40	7.80	x
14	Lê Thị Kim	Anh	18126003	07/05/1999	6.90	7.80	7.00	7.30	10.00	7.80	x
15	Nguyễn Ngọc	Anh	18113200	23/06/2000	6.40	7.80	8.30	0.60	5.00	5.60	
16	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	20128145	08/02/2002	7.10	6.90	6.90	6.40	9.30	7.30	x
17	Nguyễn Đức	Anh	17116006	12/07/1999	5.70	8.30	6.30	8.30	6.00	6.90	x
18	Nguyễn Thị Kim	Anh	19123007	21/07/2001	4.90	3.80	3.50	8.00	6.00	5.20	
19	Nguyễn Thị Minh	Anh	21120330	19/09/2003	6.40	8.00	9.30	8.30	7.80	8.00	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
20	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	22122015	10/11/2003	6.70	7.30	7.00	7.50	5.50	6.80	x
21	Nguyễn Tuấn	Anh	18138003	17/01/2000	5.40	8.00	8.30	7.80	0.80	6.10	
22	Nguyễn Tú	Anh	19155004	20/01/2001	4.30	3.80	2.00	7.30	5.00	4.50	
23	Đỗ Thị Kim	Anh	19124007	31/03/2001	3.20	6.40	0.90	0.00	5.00	3.10	
24	Phạm Thị Linh	Anh	19123217	29/03/2001	6.20	3.30	5.00	7.50	5.00	5.40	
25	Trần Đặng Tuấn	Anh	18112014	01/10/2000	6.90	7.10	3.60	5.00	0.00	4.50	
26	Trần Quế	Anh	20113204	14/04/2002	4.40	7.10	2.60	5.60	7.00	5.30	
27	Trịnh Thị Lan	Anh	21122484	27/09/2003	6.30	6.90	5.00	7.10	6.00	6.30	x
28	Võ Nguyệt Quế	Anh	20123092	23/04/2002	4.70	2.00	3.00	0.00	0.00	1.90	
29	Võ Thị Hoàng	Anh	20115007	16/06/2002	6.80	9.00	8.30	7.30	6.00	7.50	x
30	Võ Thị Quế	Anh	21113006	24/09/2003	5.40	7.60	5.60	7.60	6.10	6.50	x
31	Lê Ngọc	Ánh	20123114	05/07/2002	6.40	9.60	7.60	5.60	8.00	7.40	x
32	Lê Thị Ngọc	Ánh	21122487	14/12/2003	6.60	7.10	7.40	8.10	5.60	7.00	x
33	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20122246	14/08/2002	6.90	8.80	2.60	7.00	2.60	5.60	
34	Trần Thị Kim	Ánh	20113007	04/03/2002	4.50	2.10	3.10	6.40	1.10	3.40	
35	Nguyễn Hà	Bắc	20114036	26/07/2002	6.90	8.50	9.50	8.50	5.00	7.70	x
36	Hồ Thị Y	Băng	21145008	03/08/2003	4.30	7.00	1.10	7.30	6.00	5.10	
37	Võ Lê	Bách	20122248	17/10/2002	4.80	5.00	3.30	0.00	6.50	3.90	
38	Bùi Quang	Bảo	19145004	08/08/2001	3.90	3.10	5.00	7.60	5.40	5.00	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
39	Hồ Sỹ	Bảo	21122489	23/06/2003	4.90	7.90	5.40	7.60	2.60	5.70	
40	Huỳnh Hoài	Bảo	17138001	10/03/1999	5.70	5.30	4.00	7.00	4.00	5.20	
41	Lâm Phi	Bảo	19155009	09/09/2001	5.90	6.80	6.00	4.10	5.90	5.70	
42	Lê Thái Thiên	Bảo	19118010	14/02/2001	6.20	5.80	6.80	6.50	7.10	6.50	x
43	Nguyễn Phan Hoài	Bảo	18111009	20/10/2000	6.70	8.60	5.00	8.10	5.00	6.70	x
44	Nguyễn Thái	Bảo	20112190	15/08/2002	8.30	5.50	5.00	7.90	9.30	7.20	x
45	Phạm Trương Chí	Bảo	21126283	17/04/2003	4.40	7.00	5.00	7.50	0.60	4.90	
46	Trần Hoàng Quốc	Bảo	21113148	30/11/2003	5.80	8.10	5.00	5.60	7.50	6.40	x
47	Vũ Phúc	Bảo	18113010	02/05/2000	5.90	7.00	4.00	7.00	5.50	5.90	
48	Trịnh Thị Ngọc	Bích	21132022	25/09/2003	3.80	7.00	3.10	7.30	6.10	5.50	
49	Lê Thái	Bình	20122253	19/10/2002	4.40	8.40	3.50	8.10	0.80	5.00	
50	Lê Thúy	Bình	17112279	09/06/1999	8.10	6.10	6.00	7.30	5.00	6.50	x
51	Nguyễn Thanh	Bình	21132023	31/05/2003	4.20	5.40	5.60	5.00	4.10	4.90	
52	Nguyễn Thị Mộng	Bình	20113009	10/08/2002	6.70	5.40	5.60	8.60	7.30	6.70	x
53	Phan Thị Thái	Bình	20125332	31/12/2002	7.70	8.80	8.00	7.30	6.50	7.70	x
54	Dương Võ Gia	Bội	20122255	09/10/2002	5.00	5.00	1.90	6.40	8.10	5.30	
55	Phan Thị Mộng	Cầm	21123215	25/12/2003	7.40	7.30	8.30	2.50	5.30	6.20	
56	Ngô Thị Hồng	Cẩm	19115012	27/01/2001	5.20	5.00	3.40	7.50	7.50	5.70	
57	Nguyễn Thị Minh	Châu	18155008	03/04/1999	8.30	5.30	5.80	5.80	6.00	6.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
58	Trương Băng	Châu	19113012	07/05/2001	6.30	5.00	3.40	2.40	7.10	4.80	
59	Phan Minh	Chánh	22123014	04/02/2004	7.40	7.00	6.50	7.00	7.60	7.10	x
60	Vũ Công	Chánh	17163006	26/05/1999	6.40	6.30	2.50	7.30	8.10	6.10	
61	Lê Ngọc Diễm	Chi	18117005	12/09/2000	5.50	7.00	5.00	7.50	4.00	5.80	
62	Nguyễn Thị Tuyết	Chi	20120171	19/04/2002	5.80	8.40	8.10	8.10	8.80	7.80	x
63	Trần Diễm	Chi	21120340	07/01/2003	5.30	6.30	3.50	6.30	6.30	5.50	
64	Đặng Minh	Chính	20138074	11/01/2002	7.30	7.90	7.40	8.60	7.40	7.70	x
65	Bùi Thị Kim	Cư	21120344	22/03/2003	5.10	5.00	7.40	7.50	7.10	6.40	x
66	Nguyễn Thành	Công	18116010	23/08/2000	4.60	6.50	5.50	7.00	6.00	5.90	
67	Vũ Thành	Công	17163009	04/08/1999	6.30	6.50	6.80	8.80	8.30	7.30	x
68	Trần Đức	Cương	19113018	18/10/2001	5.10	5.30	4.00	7.00	7.80	5.80	
69	Nguyễn Tuấn	Cường	14112036	24/02/1996	6.80	2.10	4.90	5.60	7.30	5.30	
70	Võ Thị Kim	Cúc	18522004	03/07/2000	5.60	7.40	5.50	7.50	1.30	5.50	
71	Nguyễn Tấn	Dầu	19154023	17/12/2001	6.40	6.00	4.10	8.00	2.90	5.50	
72	Nguyễn Bảo	Danh	19139015	17/07/2001	7.10	6.80	6.00	8.30	5.00	6.60	x
73	Tiêu Thị Ngọc	Dàng	21123014	08/05/2003	4.10	6.30	5.30	6.50	5.00	5.40	
74	Lê Kiều	Diễm	20123005	13/03/2002	6.80	2.90	2.10	8.00	8.40	5.60	
75	Nguyễn Phùng Thuý	Diễm	22123021	10/03/2004	5.20	7.30	5.60	7.80	5.00	6.20	x
76	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	20114059	17/11/2002	4.20	7.40	5.00	7.60	5.50	5.90	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
77	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	18123018	03/10/2000	4.70	7.00	5.00	7.60	6.60	6.20	
78	Nguyễn Thị Thu	Diễm	18126023	03/11/2000	4.50	6.00	2.00	7.00	6.80	5.30	
79	Trần Thị Hồng	Diệp	19125048	17/03/2001	5.40	5.60	2.10	7.60	0.90	4.30	
80	Cao Thị Hồng	Diệu	21135258	22/11/2003	6.00	8.50	6.00	7.50	6.00	6.80	x
81	Nguyễn Kim	Diệu	21125060	28/01/2003	5.30	9.10	7.60	7.10	7.30	7.30	x
82	Tô Đổng	Dĩnh	19145017	22/10/2001	5.50	8.40	8.10	8.10	5.00	7.00	x
83	Dương Ngọc Thùy	Dương	19114007	15/07/2001	5.20	6.00	5.00	6.30	8.40	6.20	x
84	Huỳnh Đăng	Dương	19115024	13/01/2001	5.40	4.00	3.10	7.50	6.30	5.30	
85	Lê Tấn	Dương	18138019	15/05/2000	6.40	8.40	7.60	8.60	7.50	7.70	x
86	Lê Thị Thùy	Dương	20112210	29/05/2002	6.40	5.50	3.30	7.30	5.50	5.60	
87	Phạm Tùng	Dương	19154031	04/07/2001	6.30	7.40	5.00	6.60	7.00	6.50	x
88	Lê Thị Hồng	Dung	19120030	19/11/2001	6.60	6.30	5.00	7.00	6.00	6.20	x
89	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	20138080	06/06/2002	7.40	7.50	6.80	7.30	7.90	7.40	x
90	Trần Thị Mỹ	Dung	19112037	16/05/2001	6.30	5.40	5.00	6.10	5.80	5.70	x
91	Hồ Trí	Dũng	16126028	01/08/1998	5.60	5.40	6.60	8.10	8.30	6.80	x
92	Thạch Ngọc	Dũng	16131038	03/01/1998	6.40	5.30	3.80	0.00	5.00	4.10	
93	Lê Nguyễn Minh	Duy	15122035	21/02/1997	4.00	5.00	3.60	6.80	7.80	5.40	
94	Lê Thị Thúy	Duy	20135057	23/12/2002	7.40	6.80	8.00	7.30	5.60	7.00	x
95	Trần Bảo	Duy	22111033	13/09/2004	5.90	8.00	7.80	7.80	1.40	6.20	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
96	Bùi Thị Mỹ	Duyên	22123027	17/03/2004	5.70	7.40	3.00	6.00	3.80	5.20	
97	Lê Mỹ	Duyên	21123024	23/09/2003	4.70	8.30	7.30	0.00	0.80	4.20	
98	Lê Thị	Duyên	19128242	14/04/2001	4.60	6.50	5.60	7.30	3.10	5.40	
99	Lê Thị	Duyên	21123226	05/07/2003	4.60	8.90	7.40	8.60	0.60	6.00	
100	Lưu Ngọc	Duyên	21124044	07/11/2003	5.90	6.80	2.60	8.00	0.60	4.80	
101	Mai Thị Mỹ	Duyên	16114223	20/09/1998	6.40	6.10	7.50	7.80	5.50	6.70	x
102	Đặng Thúy	Duyên	20122286	26/10/2002	7.30	8.90	7.00	7.90	6.60	7.50	x
103	Nguyễn Thị	Duyên	18139036	03/10/2000	6.30	7.80	6.00	7.30	6.30	6.70	x
104	Nguyễn Thùy	Duyên	19124072	05/01/2001	7.00	8.10	7.00	9.10	8.40	7.90	x
105	Nguyễn Thị Hà	Eban	18125515	24/06/1999	7.10	6.00	5.80	1.00	6.00	5.20	
106	Nguyễn Thị	Giang	16125155	04/01/1998	4.70	3.00	3.50	7.50	0.00	3.70	
107	Vũ Thị Trà	Giang	20125380	22/12/2002	6.30	8.00	2.90	7.80	8.10	6.60	
108	Cao Quỳnh	Giao	20128172	26/08/2002	5.80	6.30	6.50	7.80	3.90	6.10	
109	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	19113040	19/02/2001	4.90	6.50	5.00	6.00	1.30	4.70	
110	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	20120186	11/02/2002	7.10	5.50	5.80	6.50	8.10	6.60	x
111	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	20128175	27/04/2002	6.60	7.90	7.60	8.10	1.80	6.40	
112	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	20122306	20/06/2002	6.60	7.60	5.60	7.60	5.00	6.50	x
113	Tô Tiểu	Hân	20117007	19/11/2002	6.20	8.50	9.50	9.30	7.30	8.20	x
114	Trần Nguyễn Gia	Hân	19115029	06/12/2001	4.90	3.40	3.10	7.10	5.00	4.70	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
115	Trương Thị Ngọc	Hân	21117070	26/11/2003	7.30	5.00	5.30	7.30	5.00	6.00	x
116	Lê Phúc	Hậu	17120043	27/07/1999	6.00	7.60	5.40	5.00	0.90	5.00	
117	Trần Phúc	Hậu	19117020	16/10/2001	7.30	7.30	5.60	9.30	8.10	7.50	x
118	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	19155019	10/01/2001	4.10	2.60	1.90	0.90	6.10	3.10	
119	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	20126240	02/11/2002	3.40	2.90	1.10	5.60	0.00	2.60	
120	Nguyễn Thúy	Hằng	15131029	01/11/1997	7.10	6.40	6.60	7.10	8.60	7.20	x
121	Trần Thị Thu	Hằng	19128039	05/10/2001	5.60	6.80	6.50	7.30	5.60	6.40	x
122	Huỳnh Quang	Hạ	19125082	27/09/2001	6.40	7.00	7.60	7.50	6.30	7.00	x
123	Bùi Thị Mai	Hạnh	21122544	12/06/2003	6.60	9.00	6.80	9.50	7.10	7.80	x
124	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22123037	25/04/2004	6.40	6.80	6.00	7.30	6.40	6.60	x
125	Phan Thị Mỹ	Hạnh	20126242	07/01/2002	8.10	7.40	7.40	7.60	8.30	7.80	x
126	Văn Thị Mỹ	Hạnh	17120041	01/10/1999	5.00	5.50	2.40	5.50	3.10	4.30	
127	Võ Thị Mỹ	Hạnh	19139039	24/10/2001	5.00	1.30	3.50	7.30	6.00	4.60	
128	Nguyễn Thị Ngân	Hà	21120378	24/10/2003	6.30	6.10	7.40	7.60	6.10	6.70	x
129	Nguyễn Thị Thu	Hà	20112221	01/02/2002	7.10	2.10	5.00	6.10	6.80	5.40	
130	Vũ Thanh	Hà	15163015	11/08/1997	5.20	6.10	3.40	7.90	3.40	5.20	
131	Bùi Văn	Hào	21122546	24/10/2003	7.70	5.00	8.80	7.30	10.00	7.80	x
132	Phùng Nguyễn Nhật	Hào	19124087	01/10/2001	5.20	2.90	5.40	3.40	7.80	4.90	
133	Hồ Ngọc	Hải	16132291	14/03/1998	5.40	5.90	5.60	7.10	5.30	5.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
134	Trần Hữu	Hải	16112796	10/02/1998	5.30	6.40	5.00	6.40	2.10	5.00	
135	Hà Thị Thanh	Hiền	19120058	19/09/2001	4.60	5.00	5.00	1.60	5.00	4.20	
136	Lê Thị Thu	Hiền	19111038	16/04/2001	5.80	5.00	5.60	7.60	2.10	5.20	
137	Nguyễn Minh	Hiền	19126049	18/11/2001	6.90	7.50	5.00	7.30	5.50	6.40	x
138	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21111044	10/02/2003	6.60	7.60	3.10	8.60	5.00	6.20	
139	Phạm Thị	Hiền	22123040	26/03/2004	7.70	6.00	9.30	7.50	7.60	7.60	x
140	Trần Thị	Hiền	21120384	08/11/2003	6.10	6.60	3.60	7.60	5.50	5.90	
141	Trương Thị Thu	Hiền	21120385	04/10/2003	5.30	6.80	5.00	6.00	5.00	5.60	x
142	Nguyễn Nhựt	Hiệp	20137014	31/07/2002	6.30	8.60	9.60	8.60	0.60	6.70	
143	Đoàn Thị Ánh	Hiệp	20112442	16/10/2002	4.60	6.30	5.00	7.50	0.40	4.80	
144	Lê Chí	Hiếu	17112060	17/11/1999	7.60	8.60	6.80	8.60	7.00	7.70	x
145	Đặng Thị	Hiếu	20125408	15/01/2002	5.60	6.30	7.50	7.10	7.00	6.70	x
146	Nguyễn Minh	Hiếu	18163012	17/09/2000	6.00	6.80	6.30	7.80	7.50	6.90	x
147	Nguyễn Minh	Hiếu	17112062	19/08/1999	8.30	7.40	7.60	7.60	5.50	7.30	x
148	Đỗ Chí	Hiếu	19126249	27/12/2001	8.30	9.40	7.10	10.00	5.00	8.00	x
149	Lê Hoàng	Hinh	19116044	25/10/2001	6.30	5.00	6.10	7.60	5.00	6.00	x
150	Nay Hiếu	Hmor	16126222	23/09/1996	7.20	8.10	8.60	7.40	5.00	7.30	x
151	Hà Thị Phước	Hoa	21145023	24/02/2003	5.90	7.40	7.60	8.10	5.00	6.80	x
152	Đồng Thị Tuyết	Hoa	19122059	18/04/2001	5.80	7.00	7.50	7.90	5.50	6.70	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
153	Nguyễn Thị	Hồng	20111200	06/09/2002	6.10	8.60	6.10	8.10	2.90	6.40	
154	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	19111045	04/11/2001	6.40	7.00	7.30	7.30	2.90	6.20	
155	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	19125113	19/03/2001	7.60	8.30	5.00	3.60	7.10	6.30	
156	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	15125440	19/10/1997	5.40	6.30	5.00	7.00	6.00	5.90	x
157	Huỳnh Thị Kiều	Hoanh	19123042	24/05/2001	5.30	6.80	3.00	7.30	6.50	5.80	
158	Tôn Thị	Hoài	21123230	04/11/2003	6.80	8.00	8.80	8.30	0.00	6.40	
159	Nguyễn Kim	Hoàng	16154040	19/04/1998	5.60	5.60	5.00	8.40	5.00	5.90	x
160	Nguyễn Văn	Hoàng	19139050	03/09/2001	4.40	0.00	7.30	6.00	8.30	5.20	
161	Nguyễn Văn Bảo	Hoàng	19113053	07/10/2001	6.90	5.00	6.30	1.10	5.00	4.90	
162	Nguyễn Vũ	Hoàng	20125420	09/05/2002	5.80	6.00	4.00	7.30	8.30	6.30	
163	Phạm Ngọc	Hoàng	21126351	21/10/2002	5.60	4.30	4.00	6.80	5.00	5.10	
164	Nguyễn Thị	Hoè	20113050	08/10/2002	5.60	7.80	5.00	8.30	5.60	6.50	x
165	Huỳnh Tấn	Học	19118295	12/04/2001	6.70	7.10	6.10	7.40	10.00	7.50	x
166	Chung Hiệp	Hưng	18138032	04/01/2000	6.10	5.00	2.40	6.00	8.30	5.60	
167	Hồ Cẩm Khánh	Hòa	18126049	13/11/2000	7.80	5.00	7.50	6.80	7.60	6.90	x
168	Lương Thị	Hòa	20163120	13/06/2002	5.70	7.90	6.60	8.10	1.40	5.90	
169	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	20126249	28/02/2002	7.90	7.30	4.80	10.00	6.60	7.30	
170	Phan Thị Thúy	Hòa	19131013	05/06/2001	5.30	5.40	2.60	7.60	6.10	5.40	
171	Võ Thị Khánh	Hòa	21123229	16/12/2003	7.30	9.00	8.50	7.50	6.50	7.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
172	Nguyễn Thị Kim	Hương	17113071	08/11/1999	6.40	3.60	5.00	0.90	5.00	4.20	
173	Nguyễn Thị Thu	Hương	19115046	26/04/2001	5.80	5.00	5.00	6.30	7.80	6.00	x
174	Phạm Mai	Hương	20139225	01/07/2002	5.90	7.00	8.30	6.00	1.30	5.70	
175	Trần Thị Thu	Hương	19113059	12/09/2000	6.40	5.00	6.10	2.10	8.10	5.50	
176	Phan Thị Thu	Hường	21123233	01/06/2003	4.80	6.10	6.40	7.60	5.80	6.10	
177	Huỳnh Chí	Hướng	19145031	11/06/2001	6.60	8.30	2.40	8.50	5.00	6.20	
178	Bùi Văn	Hưởng	20145117	20/06/2002	5.90	6.50	2.10	7.50	5.00	5.40	
179	Đỗ Thanh	Hóa	16116069	02/01/1998	6.60	6.00	6.30	7.50	5.00	6.30	x
180	Phạm Võ Bích	Hóa	20112438	25/04/2002	5.00	8.10	6.90	6.60	4.10	6.10	
181	Nguyễn Văn	Hùng	17112378	19/02/1999	6.80	6.40	6.60	7.60	9.30	7.30	x
182	Trịnh Hữu	Hùng	21122104	27/06/2003	5.90	7.40	6.10	7.60	6.60	6.70	x
183	Hà Quang	Huy	19118088	13/12/2001	7.40	9.10	3.40	5.00	8.60	6.70	
184	Lê Kế Vương	Huy	19116053	11/09/2001	3.90	6.30	2.00	0.50	6.50	3.80	
185	Nguyễn Hữu Minh	Huy	18154047	10/01/2000	6.40	7.00	6.50	7.30	7.80	7.00	x
186	Nguyễn Đức	Huy	17124067	04/06/1999	5.20	8.90	8.10	8.60	3.40	6.80	
187	Phạm Trần Gia	Huy	20112245	17/11/2002	5.90	7.60	5.60	8.60	2.90	6.10	
188	Phạm Tuấn	Huy	16118065	28/11/1998	5.60	5.90	5.00	7.60	5.60	5.90	x
189	VÕ GIA	HUY	23111061	12/11/2005	5.50	5.80	5.00	8.30	1.00	5.10	
190	Hồng Ngô Bảo	Huyền	15127049	18/04/1997	6.40	5.00	8.10	7.50	6.40	6.70	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
191	Hoàng Thị	Huyền	18123047	13/11/1999	5.50	5.40	5.60	5.90	5.00	5.50	x
192	Nguyễn Thị	Huyền	21123236	08/06/2003	6.00	6.30	3.10	8.80	1.60	5.20	
193	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	20125440	22/07/2002	5.10	7.60	4.10	5.60	8.40	6.20	
194	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18124056	23/10/2000	5.60	4.50	0.00	7.30	5.80	4.60	
195	Nguyễn Thu	Huyền	20125442	22/01/2002	7.20	7.10	3.90	7.40	5.00	6.10	
196	Nguyễn Thị Lệ	Huyên	21122571	14/10/2003	7.80	8.60	7.40	9.10	9.30	8.40	x
197	Mai Phúc Ngọc	Huỳnh	20122340	25/08/2001	5.40	7.90	7.50	7.60	5.60	6.80	x
198	Dương Nhật	Kha	19112080	06/01/2001	4.90	7.40	2.60	7.60	5.00	5.50	
199	Trần Thị Mai	Kha	21123238	26/09/2003	5.50	6.00	5.00	8.30	6.00	6.20	x
200	Cao Hoàng	Khang	16118071	25/06/1998	4.70	7.90	7.10	1.60	0.00	4.30	
201	Hồ Phạm Dĩ	Khang	18124057	21/06/2000	6.30	5.80	3.00	3.30	7.00	5.10	
202	Nguyễn Duy	Khang	19153030	06/06/2001	6.10	6.50	5.00	6.30	5.00	5.80	x
203	Nguyễn Lê Hữu	Khang	19138034	31/08/2001	6.90	8.80	10.00	7.30	3.30	7.30	
204	Trần Hữu	Khang	20113257	27/04/2002	4.40	2.60	4.10	6.80	5.00	4.60	
205	Nguyễn Duy	Khanh	15137071	14/02/1997	5.10	5.40	2.90	6.10	5.00	4.90	
206	Huỳnh Quang	Khải	19154064	02/10/2001	6.90	6.10	4.10	7.60	5.00	5.90	
207	Cao Duy	Khánh	20137087	19/11/2002	7.00	8.10	9.10	8.10	3.50	7.20	
208	Nguyễn Hoàng	Khánh	19122086	13/01/2001	7.00	6.90	6.40	7.60	6.30	6.80	x
209	Phạm Thị Vân	Khánh	20125453	08/11/2002	6.40	6.90	8.10	7.60	10.00	7.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
210	Trần Mai	Khánh	21122577	25/12/2003	5.60	8.00	8.80	7.80	0.80	6.20	
211	Trần Thị Kim	Khánh	20122344	19/06/2002	7.70	6.10	7.30	9.30	8.80	7.80	x
212	Nguyễn Kim	Khoa	18120091	16/05/2000	4.60	5.90	3.40	6.40	5.00	5.10	
213	Phạm Nguyễn Đăng	Khoa	17112095	19/10/1999	6.30	6.80	6.10	7.80	10.00	7.40	x
214	Nguyễn Tấn	Khôi	17138027	12/04/1999	7.40	5.00	7.40	7.60	5.00	6.50	x
215	Phạm Tuấn	Kiên	21122582	12/11/2003	7.30	7.00	7.40	7.60	8.60	7.60	x
216	Đoàn Thế	Kiệt	19154078	02/01/2001	4.10	7.00	3.10	0.60	6.00	4.20	
217	Mai Thị Bích	Kiều	21120409	02/11/2003	5.10	3.50	4.00	5.50	5.00	4.60	
218	Phạm Thị Hồng	Kiều	21122133	12/02/2003	7.80	5.00	6.60	8.10	6.80	6.90	x
219	Kpă H'	Kơ	19122417	02/11/2000	6.60	6.00	3.40	7.50	5.00	5.70	
220	Huỳnh Văn	Kỹ	20111045	25/04/2002	5.70	6.80	2.80	5.00	5.60	5.20	
221	Hoàng Văn	Kỳ	15153030	07/03/1995	6.40	6.80	8.00	7.50	5.50	6.80	x
222	Ngô Nhật	Lâm	21122137	14/10/2003	5.40	8.10	5.50	7.00	7.60	6.70	x
223	Nguyễn Thanh	Lâm	20112261	31/05/2002	6.40	6.30	6.30	4.00	2.50	5.10	
224	Hà Thị Chấn	Lam	20123140	15/07/2002	4.60	5.00	0.60	5.60	5.00	4.20	
225	Huỳnh Thị Mỹ	Lan	19113078	20/06/2001	7.30	7.80	7.00	6.30	8.60	7.40	x
226	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	19128074	24/06/2001	6.40	8.00	7.80	8.30	6.30	7.40	x
227	Nguyễn Trần Khánh	Lan	20126281	05/06/2002	6.90	7.40	0.90	7.40	8.30	6.20	
228	Bùi Thị Hương	Lài	21139317	05/03/2003	6.00	7.80	6.30	6.00	6.00	6.40	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
229	Trần Thị Huỳnh	Liên	20126284	14/01/2002	7.70	6.00	7.50	8.00	7.60	7.40	x
230	Bùi Phùng Thuỳ	Linh	21122590	26/07/2003	5.10	8.30	5.90	9.30	7.40	7.20	x
231	Hồ Thị Thùy	Linh	21113036	16/11/2003	4.90	8.90	5.00	8.60	8.00	7.10	
232	Lại Thị Mỹ	Linh	18155045	28/07/2000	5.80	7.00	1.10	7.50	1.90	4.70	
233	Lê Đặng Thị Huệ	Linh	21135295	24/03/2003	6.80	7.90	8.10	8.10	4.10	7.00	
234	Lê Thị Kim	Linh	20124359	05/08/2002	6.30	7.00	5.00	7.80	5.40	6.30	x
235	Nguyễn Lê Phương	Linh	21111277	21/08/2003	4.90	5.00	4.10	7.40	5.60	5.40	
236	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17612004	25/12/1993	5.70	5.50	2.10	2.90	0.60	3.40	
237	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20124362	27/12/2002	7.80	7.50	6.10	7.50	5.60	6.90	x
238	Nguyễn Thị Phương	Linh	20120211	01/05/2002	5.00	5.00	3.00	7.50	7.60	5.60	
239	Nguyễn Thị Thúy	Linh	22123065	24/10/2004	5.40	7.90	7.60	8.60	6.90	7.30	x
240	Tô Nguyễn Yến	Linh	16149160	14/10/1998	5.70	6.10	4.10	7.60	7.50	6.20	
241	Trần Thị Mỹ	Linh	21125178	07/12/2003	4.90	7.80	7.50	9.50	6.00	7.10	
242	Trần Thị Mỹ	Linh	20122051	23/09/2002	4.30	7.30	3.10	7.30	7.80	6.00	
243	Trần Thị Mỹ	Linh	20125489	14/01/2002	6.40	6.80	5.00	6.80	9.40	6.90	x
244	Hà Phước	Lộc	20137096	21/02/2002	6.80	8.40	6.50	7.90	0.50	6.00	
245	Nguyễn Đình	Lộc	19125482	22/01/2001	6.40	5.00	6.00	7.50	2.60	5.50	
246	Nguyễn Tấn	Lộc	20139251	07/02/2002	5.90	1.80	8.40	0.00	8.80	5.00	
247	Phan Văn	Lợi	19116065	14/02/2001	7.20	7.60	7.10	7.60	6.50	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
248	Lê Thanh	Long	21117082	28/02/2002	4.80	2.00	6.80	0.00	2.30	3.20	
249	Nguyễn Ngọc Thiên	Long	21122608	28/07/2003	5.20	3.90	7.50	3.40	6.80	5.40	
250	Trần Hữu	Luận	19118135	07/04/2001	5.20	6.10	2.10	7.10	6.50	5.40	
251	Nguyễn Thị	Lụa	20125498	03/08/2002	3.60	0.00	6.00	6.80	8.80	5.00	
252	Nguyễn Thị	Luyến	21129744	11/03/2003	5.20	7.90	5.00	8.60	0.60	5.50	
253	Mai Vân	Ly	20112274	01/01/2002	6.10	6.00	7.30	7.80	7.30	6.90	x
254	Nguyễn Thị Thảo	Ly	17555006	19/04/1999	6.70	6.80	6.30	6.80	4.10	6.10	
255	Trần Thị Yến	Ly	19128091	19/05/2001	6.70	5.60	5.00	6.60	5.00	5.80	x
256	Huỳnh Gia	Mẫn	21139337	06/08/2003	5.00	6.90	5.00	7.60	7.40	6.40	x
257	Sơn Kiều	Mẫn	19155054	31/12/2001	5.90	7.10	4.10	7.90	1.10	5.20	
258	Trần Thị Ngọc	Mẫn	20113077	05/10/2002	5.10	0.00	3.10	1.10	7.50	3.40	
259	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20125062	31/05/2002	6.20	6.30	8.00	7.00	7.10	6.90	x
260	Nguyễn Tiến	Mạnh	20154165	17/02/2002	4.40	6.10	3.60	6.30	5.00	5.10	
261	Nguyễn Hà	Mi	20125517	25/01/2002	5.30	5.50	5.00	6.30	7.10	5.80	x
262	Trịnh Thị	Miên	18112312	15/11/2000	5.20	6.90	2.40	6.90	2.60	4.80	
263	Lê Hoàng	Minh	18122130	16/09/2000	5.40	8.90	7.60	7.60	7.90	7.50	x
264	Lê Quang	Minh	20125520	22/11/2002	5.90	5.30	5.30	7.50	6.50	6.10	x
265	Lục Thái	Minh	20116219	10/08/2002	5.20	6.50	4.00	7.80	1.00	4.90	
266	Nguyễn	Minh	21126406	09/10/2003	5.40	5.00	2.40	7.50	1.40	4.30	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
267	Nguyễn Hoàng	Minh	18155055	30/07/1997	6.30	7.40	7.60	6.60	5.00	6.60	x
268	Nguyễn Thị	Minh	20123161	03/03/2002	7.30	6.50	5.00	7.30	6.80	6.60	x
269	Nguyễn Văn	Minh	20125522	29/10/2002	7.30	6.60	5.90	7.60	6.40	6.80	x
270	Nguyễn Thị Thu	Mơ	19124158	10/07/2001	7.30	5.90	5.60	7.60	5.00	6.30	x
271	Bùi Trà	My	20122390	28/10/2002	5.70	7.00	5.00	6.30	9.40	6.70	x
272	Dương Thị Diễm	My	20135079	18/05/2002	6.10	6.80	5.50	7.50	7.00	6.60	x
273	Nguyễn Lê Kiều	My	20128209	29/04/2002	6.30	7.10	5.90	7.10	7.30	6.70	x
274	Nguyễn Thị Diễm	My	20124093	18/05/2002	6.10	6.80	4.00	7.30	6.10	6.10	
275	Nguyễn Thị Trúc	My	18126228	22/03/2000	8.10	6.50	6.30	7.30	7.60	7.20	x
276	Đoàn Ngọc	My	20122391	24/03/2002	6.80	5.50	6.30	6.30	5.00	6.00	x
277	Đoàn Trần Diễm	My	20113279	10/04/2002	5.60	7.10	7.10	7.60	6.60	6.80	x
278	Quách Huỳnh Diễm	My	21122172	19/05/2003	3.60	5.00	0.00	7.60	6.00	4.40	
279	Trần Thị My	My	20126310	06/06/2002	7.90	8.50	5.50	9.00	7.90	7.80	x
280	Hồ Thị Minh	Mỹ	21125213	22/10/2003	6.20	7.50	5.00	6.50	3.10	5.70	
281	Nguyễn Thị Thu	Năm	22122206	12/03/2004	6.80	8.50	5.00	9.50	6.30	7.20	x
282	Mai Hải	Đăng	21116130	05/11/2003	4.10	5.40	8.00	1.40	5.00	4.80	
283	Đặng Trọng	Đăng	17612010	16/09/1982	6.40	5.50	6.50	0.00	5.60	4.80	
284	Ngô Tiến	Đại	20125346	27/10/2002	5.60	6.00	5.00	7.30	3.90	5.60	
285	Phan Ngọc	Đại	21117064	23/11/2003	5.60	6.50	6.80	8.30	5.00	6.40	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
286	Võ Anh	Đại	21123219	17/07/2003	4.60	8.00	8.30	6.00	0.00	5.40	
287	Lê Tấn	Đạt	18112031	01/05/2000	4.90	8.00	4.00	7.50	6.60	6.20	
288	Nguyễn Minh	Đạt	18127011	03/03/2000	3.90	5.00	4.10	7.60	5.50	5.20	
289	Nguyễn Thành	Đạt	17111022	01/07/1999	6.90	7.90	6.90	6.10	7.00	7.00	x
290	Nguyễn Xuân	Đạt	18112033	12/11/2000	6.40	9.00	6.30	7.80	5.60	7.00	x
291	Thi Tấn	Đạt	20116017	27/11/2002	5.90	5.50	5.00	7.00	7.10	6.10	x
292	Trịnh Minh	Đạt	20138079	14/12/2002	8.90	8.00	8.50	7.90	7.00	8.10	x
293	Trương Tấn	Đạt	20139189	15/03/2002	7.20	8.30	5.60	7.80	2.40	6.30	
294	Võ Quốc	Đạt	19124049	19/11/2001	5.90	6.60	5.00	6.10	5.90	5.90	x
295	Hồ Quốc	Nam	18117043	16/10/2000	5.40	6.00	4.10	6.50	6.40	5.70	
296	Lâm Đại	Nam	18112285	24/01/2000	5.80	8.90	10.00	8.10	6.40	7.80	x
297	Lý Phương	Nam	15114226	24/03/1994	5.00	5.90	4.10	7.60	6.60	5.80	
298	Trần Nhật	Nam	20122396	16/05/2002	6.00	7.30	8.50	7.00	0.60	5.90	
299	Võ Hoài	Nam	19126106	29/09/2001	6.40	8.40	6.60	7.60	5.00	6.80	x
300	Châu Thị Hồng	Đào	20126205	21/02/2002	6.40	8.00	8.30	7.50	6.00	7.20	x
301	Ngô Thị Trúc	Đào	19125043	11/04/2001	4.50	5.50	3.50	6.50	5.00	5.00	
302	Lê Thị Tuyết	Nga	19126252	14/05/2001	5.90	6.80	5.00	7.50	5.00	6.00	x
303	Nguyễn Thị	Nga	20122398	18/11/2002	6.20	6.10	8.60	7.60	7.30	7.20	x
304	Nguyễn Thị	Nga	21129773	02/08/2003	6.10	6.90	6.60	7.90	5.90	6.70	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
305	Đỗ Thị Thu	Nga	18113092	20/10/2000	6.40	8.30	6.30	7.30	8.40	7.30	x
306	Hà Thanh	Ngân	20128213	19/12/2002	8.10	6.80	5.00	6.00	5.00	6.20	x
307	Hồ Thị Thanh	Ngân	20122401	04/02/2002	5.30	5.60	5.60	5.00	3.40	5.00	
308	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	20145135	11/01/2002	5.20	6.80	5.50	6.50	7.60	6.30	x
309	Huỳnh Ngọc Thanh	Ngân	21123368	02/10/2003	6.40	6.10	7.10	7.40	7.40	6.90	x
310	Lê Bảo Tuyết	Ngân	19112118	13/01/2001	5.90	6.80	6.50	7.40	2.00	5.70	
311	Lê Thị Bích	Ngân	20116067	22/05/2002	5.60	7.40	5.00	6.60	5.00	5.90	x
312	Lê Thị Thúy	Ngân	21129784	28/04/2003	5.90	8.50	8.30	6.80	6.30	7.20	x
313	Đặng Kim Hải	Ngân	19128102	15/03/2001	5.40	5.00	5.00	6.80	8.00	6.00	x
314	Đào Thị Thanh	Ngân	18113094	28/07/2000	5.80	7.30	3.00	7.50	1.00	4.90	
315	Nguyễn Mai Thùy	Ngân	20112431	03/01/2002	6.20	8.60	5.00	8.40	6.90	7.00	x
316	Nguyễn Thị Ái	Ngân	21129787	01/11/2003	7.20	6.50	5.00	8.80	7.10	6.90	x
317	Nguyễn Thị Kim	Ngân	21139356	26/02/2003	5.40	6.60	2.90	8.40	5.90	5.80	
318	Nguyễn Vũ Thảo	Ngân	21122189	11/06/2003	6.20	9.10	6.60	7.10	5.60	6.90	x
319	Phan Thị Kim	Ngân	19145054	02/09/2001	4.10	5.60	0.40	8.10	5.00	4.60	
320	Phan Thị Kim	Ngân	20125547	09/07/2002	6.60	5.40	6.80	6.50	7.10	6.50	x
321	Phùng Thị Cẩm	Ngân	21123078	12/07/2003	5.60	3.50	2.00	7.50	5.50	4.80	
322	Trần Ngô Hoàng Kim	Ngân	18120140	15/02/2000	5.40	6.30	5.00	8.10	5.00	6.00	x
323	Trần Thị Kim	Ngân	20122409	25/07/2002	6.80	6.00	7.50	7.50	6.80	6.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
324	Huỳnh Thị Xuân	Nghi	20124398	13/09/2002	5.40	8.50	2.80	6.80	5.00	5.70	
325	Nguyễn Hữu	Nghĩa	18139111	30/03/2000	5.80	6.00	5.00	7.30	8.10	6.40	x
326	Nguyễn Trung	Nghĩa	17153047	28/10/1999	4.60	7.60	8.10	8.10	9.10	7.50	
327	Trần Giang Đại	Nghĩa	18126265	10/05/1997	5.90	6.80	6.30	8.30	5.40	6.50	x
328	Trần Trọng	Nghĩa	18114013	20/02/2000	4.90	6.00	0.00	9.00	5.50	5.10	
329	Võ Minh	Nghĩa	21126120	27/02/2003	5.30	7.90	6.60	7.60	8.30	7.10	x
330	Bùi Thái	Ngọc	20113295	06/11/2002	5.30	7.50	5.00	8.10	7.30	6.60	x
331	Lý Thị Hồng	Ngọc	20126318	25/01/2002	6.90	6.40	7.10	7.60	5.00	6.60	x
332	Nguyễn Hoài Bảo	Ngọc	21126125	23/07/2003	6.60	7.80	3.50	7.80	8.90	6.90	
333	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19125484	25/10/2001	4.70	5.40	3.60	6.60	5.00	5.10	
334	Nguyễn Thị Như	Ngọc	19120132	07/02/2001	5.00	7.80	2.90	7.50	8.80	6.40	
335	Nguyễn Yến	Ngọc	21120447	08/01/2003	5.70	8.10	4.10	6.40	5.50	6.00	
336	Phạm Thị Bích	Ngọc	21135104	20/02/2003	6.00	6.60	7.90	7.60	5.50	6.70	x
337	Phạmnhư	Ngọc	18115066	02/01/2000	4.00	9.00	4.00	4.00	5.00	5.20	
338	Hoa Thị Hồng	Nguyên	20135086	13/08/2002	6.50	6.30	6.00	7.80	5.00	6.30	x
339	Hồ Thị Thúy	Nguyên	19149055	30/04/2000	4.90	6.30	6.00	8.50	1.40	5.40	
340	Lê Nguyễn Hùng	Nguyên	15122134	21/07/1997	7.00	6.30	8.80	8.30	5.00	7.10	x
341	Lê Thị Nhật	Nguyên	19112125	16/07/2001	6.40	7.60	5.00	7.40	6.00	6.50	x
342	Nguyễn Thảo	Nguyên	22129188	20/10/2004	3.20	0.60	2.40	6.80	1.10	2.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
343	Nguyễn Thị	Nguyên	19124184	28/07/2001	6.10	6.00	5.00	7.00	7.00	6.20	x
344	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	21129812	18/07/2003	5.60	4.00	2.80	7.40	1.30	4.20	
345	Đinh Quang	Nguyên	19118159	07/05/2001	4.90	5.00	2.50	8.50	2.80	4.70	
346	Phạm Thảo	Nguyên	21122648	23/01/2003	5.00	8.10	3.60	6.10	2.10	5.00	
347	Đặng Văn	Nguyện	20126319	03/04/2002	6.80	7.30	5.30	7.40	7.60	6.90	x
348	Cao Lê Hoàng	Nguyệt	20163126	13/06/2002	5.10	8.00	3.40	8.80	6.10	6.30	
349	Hồ Thị Thu	Nguyệt	21113241	06/02/2003	4.60	7.30	6.50	8.50	1.10	5.60	
350	Nguyễn Lê Như	Nguyệt	21112550	06/04/2003	6.40	7.40	7.60	5.00	5.60	6.40	x
351	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	20111067	15/10/2002	6.60	8.10	8.60	7.10	7.10	7.50	x
352	Trần Lê Mỹ	Nhân	22139068	01/09/2004	6.20	7.80	7.30	8.30	2.80	6.50	
353	Trần Thiện	Nhân	18114014	01/06/2000	6.00	5.00	5.60	7.60	6.00	6.00	x
354	Lê Anh	Nhật	18149053	20/12/2000	7.60	5.00	7.30	2.60	5.50	5.60	
355	Mai Văn	Nhật	19122166	10/07/2001	4.50	3.40	2.60	6.80	6.60	4.80	
356	Nguyễn Minh	Nhật	17120110	24/09/1999	5.70	5.80	5.30	6.80	2.00	5.10	
357	Lê Thị Thanh	Nhàn	20112066	03/12/2002	6.30	6.00	1.90	9.00	5.00	5.60	
358	Ngô Thị Thanh	Nhàn	19128116	06/04/2001	6.60	3.60	5.00	8.40	1.40	5.00	
359	Hồ Mỹ	Nhi	20125256	27/06/2002	6.40	7.90	7.40	7.10	8.80	7.50	x
360	Hồ Nguyên Quỳnh	Nhi	19122168	20/08/2001	4.10	5.00	6.60	0.00	5.30	4.20	
361	Huỳnh Hoàng Yến	Nhi	20125581	11/08/2002	7.20	5.40	6.30	7.50	8.00	6.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
362	Nguyễn Thị Phương	Nhi	18123087	15/04/2000	6.40	4.10	3.60	7.10	8.60	6.00	
363	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	20125586	01/01/2002	6.10	6.00	5.50	7.50	5.60	6.10	x
364	Phạm Hoàng Tuyết	Nhi	20128231	03/09/2002	7.00	7.40	7.40	8.60	7.90	7.70	x
365	Phạm Thị Tuyết	Nhi	21128251	11/12/2003	5.40	5.40	2.90	8.90	0.00	4.50	
366	Phan Hoàng Yến	Nhi	21126141	20/04/2003	6.40	7.80	5.00	7.50	6.00	6.50	x
367	Phan Ngọc	Nhi	21122227	09/12/2003	5.10	8.00	5.00	8.50	0.60	5.40	
368	Phan Thị Tuyết	Nhi	17131093	30/12/1999	5.50	6.40	6.10	8.40	5.00	6.30	x
369	Tào Khả	Nhi	21126447	28/08/2003	5.30	8.30	6.30	8.30	8.00	7.20	x
370	Thạch Lê Bích	Nhi	18125522	04/12/1999	6.10	5.00	2.50	6.80	7.60	5.60	
371	Thới Thị Cẩm	Nhiên	20112314	19/07/2002	4.90	5.80	5.50	7.00	0.00	4.60	
372	Lê Thị Quỳnh	Như	20149199	20/10/2002	5.60	5.40	7.90	7.60	8.10	6.90	x
373	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	22125216	09/05/2004	6.40	7.50	6.30	7.30	5.00	6.50	x
374	Nguyễn Thị Ái	Như	21122234	19/10/2003	4.90	5.00	8.50	7.80	10.00	7.20	
375	Phạm Ngọc	Như	20125598	01/04/2002	7.30	8.90	8.10	9.60	8.80	8.50	x
376	Trần Thị Huỳnh	Như	19125487	10/04/2001	5.80	5.00	3.10	5.90	5.90	5.10	
377	Vũ Thị Quỳnh	Như	19125264	28/07/2001	6.10	8.60	10.00	8.10	3.80	7.30	
378	Hà Minh	Nhựt	20145143	25/01/2002	5.90	5.60	6.80	7.80	9.10	7.00	x
379	Trần Nguyễn Minh	Nhựt	18154090	10/06/2000	7.60	7.80	8.00	8.50	7.50	7.90	x
380	Khưu Hồng	Nhung	21120469	25/03/2003	7.10	5.30	6.00	7.30	7.90	6.70	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
381	Lưu Thị Tuyết	Nhung	17123075	31/03/1999	6.40	3.80	5.50	0.00	5.60	4.30	
382	Đàng Thị Phi	Nhung	18125523	12/10/1999	5.60	8.80	5.00	5.00	6.10	6.10	x
383	Ngô Thị Tuyết	Nhung	20113302	06/03/2002	5.20	6.30	3.40	7.00	6.30	5.60	
384	Trần Thị Bích	Nhung	19139122	19/12/2001	5.60	6.80	3.50	8.10	5.90	6.00	
385	Vũ Thị Hậu	Nhung	20111260	11/02/2002	6.60	0.00	6.80	8.80	5.00	5.40	
386	Tiên Oanh	Đi	20139190	21/01/2002	5.40	9.00	7.30	6.80	8.30	7.40	x
387	Hồ Thanh	Điền	17154015	10/04/1999	6.20	5.00	4.10	7.30	4.10	5.30	
388	Nguyễn Văn Giang	Đông	15154014	03/01/1997	7.10	7.40	6.40	8.40	7.40	7.30	x
389	Trần Hữu	Nơi	19145064	05/06/2001	5.90	6.80	3.60	6.10	6.50	5.80	
390	Lê Trần Giản	Đơn	18112038	17/11/2000	7.20	5.80	7.00	7.50	5.50	6.60	x
391	Bùi Thị	Định	19120026	08/01/2001	5.00	6.50	3.50	6.80	7.50	5.90	
392	Hàng Huy	Định	19122422	15/04/2001	5.40	8.80	6.80	7.80	4.10	6.60	
393	Trần Hà Mỹ	Nữ	18113198	04/09/2000	6.60	7.30	5.00	7.00	3.00	5.80	
394	Trần Thị	Nữ	20125613	13/07/2002	5.90	8.00	5.00	5.00	0.60	4.90	
395	Cao Minh	Đức	19116023	10/08/2001	6.20	6.80	7.30	8.00	3.80	6.40	
396	Nguyễn Minh	Đức	20125361	10/06/2002	5.10	8.40	5.00	8.10	6.30	6.60	x
397	Phạm Việt	Đức	17122020	02/01/1999	7.80	8.40	7.40	8.60	7.10	7.90	x
398	Kiều Thị Yến	Ny	20122451	11/07/2002	6.40	5.30	4.00	5.80	9.00	6.10	
399	Hà Kim	Oanh	21129854	18/05/2003	5.40	5.00	2.60	7.60	6.40	5.40	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
400	Nguyễn Thúy	Oanh	20116090	27/07/2002	7.10	7.00	6.50	1.90	5.00	5.50	
401	Trần Thị Kiều	Oanh	20139290	27/04/2002	6.70	6.80	6.50	6.30	3.60	6.00	
402	Chu Thị Ngọc	Ơn	20122454	11/01/2002	5.80	7.00	5.50	7.30	7.80	6.70	x
403	Trần Thanh	Pháp	20137100	25/06/2002	5.20	8.50	4.00	8.50	8.00	6.80	
404	Nguyễn Lê	Phát	21116191	24/10/2003	5.40	9.00	5.80	7.30	8.50	7.20	x
405	Nguyễn Tấn	Phát	18149058	20/09/2000	7.20	7.80	7.00	7.30	8.50	7.60	x
406	Nguyễn Thành	Phát	18155068	10/01/2000	6.30	8.40	5.00	8.10	2.40	6.00	
407	Nguyễn Thảo	Phát	21122248	12/01/2003	6.10	7.80	6.50	8.30	6.10	7.00	x
408	Phan Tấn	Phát	20113307	16/08/2002	6.20	6.00	6.50	9.00	3.40	6.20	
409	Nguyễn Tấn	Phong	21113059	26/10/2003	6.70	8.10	5.00	9.10	10.00	7.80	x
410	Đinh Thế	Phong	19113189	12/12/2000	5.80	5.80	5.00	8.00	6.50	6.20	x
411	Dương Thị Bích	Phượng	20113318	17/02/2002	4.90	0.00	3.60	0.00	6.30	3.00	
412	Huỳnh Thị Kim	Phượng	21120487	05/10/2003	4.90	8.60	5.00	9.60	5.40	6.70	
413	Lê Thị Minh	Phượng	19123114	04/08/2001	7.30	5.50	8.50	6.30	5.00	6.50	x
414	Nguyễn Thị Ái	Phượng	19139135	24/08/2001	4.90	9.00	3.50	7.30	8.00	6.50	
415	Trần Thị Bích	Phượng	20113399	10/08/2002	4.90	6.60	2.10	0.00	2.10	3.10	
416	Lê Thị Hồng	Phương	19123234	05/03/2001	5.00	8.00	3.40	7.30	5.50	5.80	
417	Ngô Xuân Khánh	Phương	21120484	23/04/2003	6.10	8.30	5.00	6.80	6.40	6.50	x
418	Nguyễn Lê Đăng	Phương	21139143	27/02/2003	5.50	7.10	5.00	8.60	5.00	6.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
419	Nguyễn Mai	Phương	20112329	22/03/2002	5.80	8.80	5.50	8.50	7.50	7.20	x
420	Nguyễn Tiến Mai	Phương	20126341	11/12/2002	5.90	7.90	8.10	7.60	9.40	7.80	x
421	Ninh Thị Ngọc	Phương	20135092	24/03/2002	5.90	6.90	5.00	2.10	5.00	5.00	
422	Phạm Lan	Phương	21120204	23/02/2003	7.40	8.10	5.80	8.60	5.50	7.10	x
423	Phạm Thị Thanh	Phương	18127043	27/04/2000	6.80	5.00	6.00	7.30	8.10	6.60	x
424	Trần Thị Nam	Phương	20139300	15/10/2002	4.10	6.00	2.90	7.50	0.00	4.10	
425	Đào Thị Hưng	Phước	19126136	04/05/2001	5.40	6.60	5.90	9.60	2.90	6.10	
426	Nguyễn Trần Quang	Phước	20153114	13/04/2002	7.10	5.00	3.60	7.60	7.80	6.20	
427	Phan Minh	Phước	18113209	14/03/1999	7.80	7.60	7.90	10.00	5.00	7.70	x
428	Lâm Tạ Tiểu	Phụng	19112412	08/09/2001	3.10	5.50	5.00	7.30	0.00	4.20	
429	Lê Thị Mỹ	Phụng	16117054	19/03/1998	5.70	8.00	5.00	8.50	6.00	6.60	x
430	Nguyễn Lê Kim	Phụng	19126135	20/04/2001	5.90	7.60	8.10	8.40	6.50	7.30	x
431	Nguyễn Trần Ngọc	Phụng	18120180	18/12/2000	6.60	8.10	4.10	2.40	5.80	5.40	
432	Nguyễn Y	Phụng	20122083	31/07/2002	5.40	7.50	2.00	6.50	5.00	5.30	
433	Từ Hà Kim	Phụng	21123104	19/10/2003	5.10	6.90	6.60	7.60	7.10	6.70	x
434	Võ Thị Kim	Phụng	19124218	07/12/2001	5.90	7.00	5.00	7.80	6.50	6.40	x
435	Lã Duy	Phú	19111086	31/08/2001	6.10	6.80	6.30	0.00	7.90	5.40	
436	Nguyễn Văn	Phú	16127088	10/02/1998	7.60	7.00	7.50	9.00	8.40	7.90	x
437	Nguyễn Văn	Phú	19113125	11/07/2001	5.90	3.30	6.00	6.00	5.00	5.20	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
438	Trần Châu Hồng	Phú	19117060	07/04/2001	5.10	7.30	2.90	7.50	6.50	5.90	
439	Trần Hồ Vĩnh	Phú	21125291	15/01/2003	5.90	7.80	5.00	8.80	5.50	6.60	x
440	Huỳnh Hoàng	Phúc	19118180	05/03/2001	4.60	0.60	2.60	7.40	2.10	3.50	
441	Nguyễn Hồng	Phúc	19111090	09/09/2001	6.80	5.90	8.60	6.10	6.40	6.80	x
442	Nguyễn Hoàng	Phúc	20126339	15/11/2002	6.40	7.40	5.00	8.60	2.00	5.90	
443	Nguyễn Tiến	Phúc	19112145	24/12/2001	5.80	9.30	6.30	7.00	5.60	6.80	x
444	Đinh Hữu	Phúc	20111265	15/06/2001	5.20	7.80	5.50	9.00	2.90	6.10	
445	Phạm Đình	Phúc	20118107	12/08/2001	6.00	5.40	5.60	7.60	6.60	6.20	x
446	Nguyễn Quốc	Quân	19131040	22/08/2001	5.40	5.40	1.10	7.30	5.50	4.90	
447	Nguyễn Triệu Anh	Quân	20116097	04/04/2002	5.00	8.40	5.00	9.60	6.10	6.80	x
448	Đỗ Minh	Quân	20137039	17/11/2002	5.70	7.60	7.60	7.60	7.60	7.20	x
449	Trương Minh	Quân	19163032	11/08/2001	6.10	6.50	5.50	7.50	5.50	6.20	x
450	Trần Minh	Quang	19145067	07/12/2001	3.90	0.00	1.00	8.60	6.10	3.90	
451	Võ Thị Nguyệt	Quế	21111329	10/05/2003	5.90	5.40	6.10	7.60	7.30	6.50	x
452	Nguyễn Như	Qui	19118302	24/10/2001	5.30	7.80	2.80	7.80	3.00	5.30	
453	Phạm Thị Ngọc	Quí	20135093	18/07/2002	6.40	5.80	6.30	8.00	6.10	6.50	x
454	Đặng Văn	Quốc	20115250	05/07/2002	4.70	7.40	3.00	6.50	8.00	5.90	
455	Lê Trường	Quy	20125645	30/07/2002	6.60	8.10	6.00	8.10	8.80	7.50	x
456	Nguyễn Thanh	Quy	20116243	23/05/2002	5.90	8.30	5.00	9.30	7.10	7.10	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
457	Võ Thị Hồng	Quyền	19124230	12/06/2001	5.90	6.50	3.80	7.50	7.00	6.10	
458	Đặng Nhật	Quyên	21122683	02/06/2003	5.70	8.10	3.00	7.90	7.00	6.30	
459	Đào Thị Ngọc	Quyên	19112408	30/10/2001	6.40	6.80	5.50	7.30	5.00	6.20	x
460	Võ Huỳnh	Quyên	21139416	18/08/2003	5.90	7.30	7.30	3.00	5.00	5.70	
461	Võ Thị Mỹ	Quyên	21112611	23/04/2003	5.90	7.90	6.90	8.60	9.40	7.70	x
462	Nguyễn Đình	Quyết	19154128	11/04/2001	6.00	9.10	1.30	7.30	8.10	6.40	
463	Nguyễn Diệp Hương	Quỳnh	20113322	16/08/2002	4.00	6.30	3.10	7.30	5.50	5.20	
464	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	17112172	16/06/1999	6.50	6.90	5.00	8.10	3.40	6.00	
465	Nguyễn Thị	Quỳnh	21112333	05/07/2002	4.60	6.80	5.00	7.50	5.50	5.90	
466	Phan Thị Thu	Quỳnh	18139162	06/09/2000	5.30	5.80	4.00	4.00	7.40	5.30	
467	Nguyễn Phan Đức	Sâm	19118303	15/05/2001	5.40	8.60	4.00	7.60	2.00	5.50	
468	Nguyễn Linh	Sang	17138044	25/04/1999	8.30	9.10	5.60	8.10	7.50	7.70	x
469	Trần Phước	Sang	16138071	19/03/1997	5.50	7.00	4.00	7.30	5.50	5.90	
470	Trần Tiến	Sang	21154285	24/10/2003	5.90	6.00	6.00	8.60	9.10	7.10	x
471	Phan	Sáng	19118304	25/02/2001	6.80	8.80	7.00	7.00	5.00	6.90	x
472	Trương Thị Hồng	Sim	17131109	10/09/1999	6.90	6.00	3.40	8.50	5.50	6.10	
473	Nguyễn Văn	Sinh	20126346	28/05/2002	6.10	8.60	5.00	7.60	5.60	6.60	x
474	Lê Hoàng	Sơn	19154131	27/11/2001	7.60	7.00	7.30	6.80	8.30	7.40	x
475	Ngô Chánh	Tâm	21113285	15/12/2003	5.10	7.00	4.00	7.00	9.30	6.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
476	Nguyễn Thị Ngân	Tâm	21122285	12/11/2003	6.20	8.30	5.00	7.50	5.00	6.40	x
477	Nguyễn Trọng	Tâm	20137113	14/08/2002	4.00	8.10	4.00	8.10	1.00	5.00	
478	Phạm Thị Kim	Tâm	19123126	16/06/2001	5.90	5.40	4.80	3.60	0.60	4.10	
479	Trần Nguyên	Tâm	20123191	15/10/2002	4.90	7.30	5.00	8.80	7.00	6.60	
480	Hoàng Huy Nhật	Tân	18112184	26/07/2000	6.30	7.40	5.00	6.50	2.50	5.50	
481	Huỳnh Thanh	Tân	20116247	18/06/2002	6.90	5.00	6.90	7.10	6.10	6.40	x
482	Nguyễn Duy	Tân	19125311	09/03/2001	6.40	6.80	4.00	4.00	4.00	5.00	
483	Nguyễn Nhật	Tân	21122286	31/07/2003	7.90	7.80	9.00	9.50	7.30	8.30	x
484	Phạm Trương Quang	Tân	18137039	12/08/2000	4.40	0.00	0.00	0.00	0.00	0.90	
485	Đào Nguyên	Tây	20117118	02/02/2002	6.60	7.30	7.80	7.00	7.10	7.20	x
486	Trần Vũ Minh	Tài	19111098	17/09/2001	7.10	6.80	9.30	7.30	7.10	7.50	x
487	Nguyễn Minh	Tày	18126147	31/08/1999	4.50	0.00	0.00	0.00	0.00	0.90	
488	Trương Thị Hồng	Thắm	19117077	29/01/2001	4.10	3.50	2.30	0.00	5.60	3.10	
489	Hồ Văn	Thắng	20115123	14/04/2002	6.40	6.00	4.00	7.00	5.00	5.70	
490	Hoàng Văn	Thắng	16113124	01/01/1997	6.90	8.10	5.60	7.10	1.90	5.90	
491	Lê Đức	Thắng	19139145	05/02/2001	4.90	0.00	5.00	0.00	3.60	2.70	
492	Võ Hồng	Thắng	16115158	13/04/1998	5.40	6.30	4.30	7.00	7.60	6.10	
493	Lê Văn	Thanh	17113276	10/02/1998	6.20	7.80	5.00	8.80	6.90	6.90	x
494	Nguyễn Hoàng Kim	Thanh	20117056	06/04/2002	6.80	7.80	8.30	7.30	6.00	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
495	Nguyễn Thị Thu	Thanh	20122499	13/09/2002	7.80	8.60	5.00	7.10	8.30	7.40	x
496	Nguyễn Quốc	Thành	19137070	08/03/2001	6.40	5.40	6.60	8.60	4.10	6.20	
497	Nguyễn Tấn	Thành	19153075	28/11/2001	6.40	7.40	4.10	7.60	7.30	6.60	
498	Nguyễn Văn	Thành	17112193	06/05/1999	5.90	6.30	6.30	7.80	4.00	6.10	
499	Nguyễn Quang	Thái	21123113	01/04/2003	5.50	8.50	6.80	8.80	3.50	6.60	
500	Trần Quốc	Thái	19117075	21/11/2001	4.20	7.50	2.50	7.30	5.50	5.40	
501	Dương Thị Thanh	Thảo	21113085	05/07/2003	3.80	5.00	3.10	7.60	6.10	5.10	
502	Hà Phương	Thảo	20125121	13/01/2002	7.70	8.50	6.80	7.50	2.90	6.70	
503	Hồ Hồng	Thảo	21113296	07/04/2003	4.00	6.10	2.40	6.80	5.00	4.90	
504	Hoàng Thanh	Thảo	21129921	05/09/2003	7.40	7.40	5.00	7.60	5.00	6.50	x
505	Hoàng Thị	Thảo	21124490	26/04/2003	6.10	8.40	6.00	7.90	5.00	6.70	x
506	Lê Thị Phương	Thảo	22112304	12/12/2004	5.80	7.00	6.80	7.50	7.00	6.80	x
507	Mai Hồng	Thảo	20115262	11/07/2002	5.90	4.40	0.60	0.00	5.50	3.30	
508	Nguyễn Phương	Thảo	20155145	22/09/2002	6.80	7.30	5.50	7.00	5.50	6.40	x
509	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19120184	13/05/2001	5.40	4.80	1.50	6.50	6.50	4.90	
510	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21128132	27/01/2003	6.70	5.30	6.50	7.80	8.00	6.90	x
511	Phạm Thị Kim	Thảo	20112432	20/08/2002	5.70	6.30	3.50	6.30	8.10	6.00	
512	Trần Thị Phương	Thảo	19124260	14/02/2001	4.90	7.10	2.60	7.10	5.50	5.40	
513	Trần Thị Thanh	Thảo	22129270	23/12/2004	6.40	7.30	5.40	7.30	7.80	6.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
514	Trịnh Thị Thu	Thảo	18112199	08/04/1999	6.30	6.80	2.90	8.80	5.00	6.00	
515	Vương Thị	Thảo	21129931	14/04/2003	7.60	6.50	7.30	7.80	7.40	7.30	x
516	Vũ Phương	Thảo	17112198	19/11/1999	7.60	8.90	7.60	8.60	9.30	8.40	x
517	Hồ Vĩnh	Thế	20152012	28/01/2002	4.90	7.60	5.00	10.00	1.10	5.70	
518	Phùng Thị Yến	Thi	21123119	24/07/2003	7.90	9.10	3.40	7.60	6.30	6.90	
519	Huỳnh Đoàn Phúc	Thiện	20113340	18/05/2002	6.10	5.90	5.00	8.10	6.10	6.20	x
520	Hoàng Minh	Thư	20165007	26/03/2002	6.90	7.90	3.50	9.10	2.50	6.00	
521	Nguyễn Anh	Thư	19155087	01/11/2001	6.80	5.60	5.60	6.30	5.00	5.90	x
522	Nguyễn Thị Minh	Thư	21123279	19/09/2003	4.10	8.40	5.80	7.50	7.30	6.60	
523	Đinh Ngọc Minh	Thư	20125706	10/01/2002	6.80	7.30	6.30	7.50	5.00	6.60	x
524	Phạm Thị Minh	Thư	20128074	26/01/2002	6.30	8.00	6.50	8.00	6.00	7.00	x
525	Trần Thị Minh	Thư	21122325	15/03/2003	6.80	7.30	6.80	7.30	6.00	6.80	x
526	Trần Văn	Thọ	18137041	23/10/1999	6.40	7.80	7.30	7.30	6.10	7.00	x
527	Bùi Quốc	Thịnh	21129934	21/06/2003	7.10	5.00	6.80	7.00	6.00	6.40	x
528	Dương Tấn	Thịnh	18114019	06/09/2000	4.20	8.50	6.00	8.80	5.00	6.50	
529	Hồ Phúc	Thịnh	17112201	29/12/1999	6.00	6.00	4.00	8.00	5.00	5.80	
530	Nguyễn Phan Xuân	Thịnh	21116102	12/12/2003	6.90	5.50	5.30	7.50	5.00	6.00	x
531	Phan Trường	Thịnh	18111123	03/01/2000	6.20	7.30	5.50	5.00	6.50	6.10	x
532	Trần Công	Thịnh	19138075	12/04/2001	4.40	5.00	3.10	2.10	1.10	3.10	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
533	Danh Thành	Thương	15113228	09/08/1996	4.80	8.10	4.40	7.60	7.10	6.40	
534	Lê Hữu	Thức	21122731	31/10/2003	5.30	6.80	5.00	7.50	5.50	6.00	x
535	Trần Minh	Thức	20111301	10/11/2002	6.30	7.50	6.30	9.30	6.10	7.10	x
536	Dương Thị Hoài	Thu	18131061	04/05/2000	5.70	6.60	5.60	7.60	7.60	6.60	x
537	Lê Thị Lệ	Thu	22112317	03/06/2004	6.90	6.90	5.40	8.10	6.10	6.70	x
538	Nguyễn Thị Bích	Thu	21120247	19/03/2003	7.10	5.90	7.10	7.60	8.90	7.30	x
539	Nguyễn Thị Thanh	Thu	19112356	02/07/2001	5.80	6.80	5.00	8.40	6.50	6.50	x
540	Lâm Gia	Thuận	19154161	25/10/2001	6.30	5.30	5.00	8.60	6.40	6.30	x
541	Cao Hồng	Thúy	20111303	25/10/2002	5.20	5.00	3.00	5.00	8.00	5.20	
542	Hồ Thị Hồng	Thúy	19117085	10/02/2001	6.80	5.00	5.00	7.50	5.00	5.90	x
543	Huỳnh Thị Kim	Thúy	21117110	06/12/2002	4.90	5.00	4.10	7.40	6.30	5.50	
544	Lý Thị Bích	Thủy	21122745	12/11/2003	7.10	6.00	6.50	7.50	7.30	6.90	x
545	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20123210	22/01/2002	5.30	6.90	6.10	6.10	8.30	6.50	x
546	Phạm Thị Thu	Thủy	21126532	17/02/2003	6.90	8.90	5.50	7.50	7.50	7.30	x
547	Từ Nữ Thu	Thủy	15116232	23/05/1996	5.40	7.50	7.30	1.10	6.00	5.50	
548	Phạm Thị Thu	Thuyền	22123148	20/08/2004	7.40	6.30	6.50	7.50	10.00	7.50	x
549	Trần Thị Thu	Thuỷ	20124501	11/04/2002	5.40	8.30	5.00	9.30	5.60	6.70	x
550	Hồ Minh	Thy	22112338	12/05/2004	4.80	8.90	0.00	6.90	2.40	4.60	
551	Bùi Quang	Tiến	19153081	30/06/2001	6.80	6.10	5.00	6.10	6.00	6.00	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
552	Châu Nhật	Tiến	20135106	05/08/2002	4.90	5.50	1.90	0.00	6.80	3.80	
553	Đặng Thị Kim	Tiến	21129977	31/12/2003	5.60	5.00	7.50	8.00	7.10	6.60	x
554	Nguyễn Công	Tiến	18112219	15/01/2000	3.90	8.80	2.40	8.00	5.60	5.70	
555	Nguyễn Nhựt	Tiến	17138056	09/08/1999	6.30	7.90	5.60	7.40	7.10	6.90	x
556	Cao Thị Ngân	Tiền	20125738	01/09/2002	6.20	8.00	5.00	7.30	7.40	6.80	x
557	Nguyễn Thị Minh	Tiền	20120305	16/07/2002	4.10	5.00	0.00	2.10	5.00	3.20	
558	Đinh Thị Bích	Tiền	17116159	13/06/1999	4.80	6.30	2.00	7.80	6.80	5.50	
559	Trương Thị Thanh	Tiền	21126536	12/09/2003	5.40	8.80	4.10	7.30	5.00	6.10	
560	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	21111368	11/05/2003	6.30	9.00	7.80	9.30	5.60	7.60	x
561	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	21122750	04/11/2003	5.20	6.00	2.50	7.30	6.10	5.40	
562	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	20122534	05/09/2002	6.00	7.30	6.00	8.60	10.00	7.60	x
563	Trần Phạm Thủy	Tiên	21111369	26/12/2003	7.40	7.10	8.10	7.60	7.80	7.60	x
564	Trần Thành	Tiên	19118235	03/10/2001	6.10	9.40	8.40	9.60	7.30	8.20	x
565	Triệu Thị Thủy	Tiên	15127129	24/11/1996	4.80	7.80	4.10	0.00	5.60	4.50	
566	Văn Nguyễn Cát	Tiên	19155093	24/04/2001	7.80	6.00	5.00	8.10	7.00	6.80	x
567	Võ Đặng Thủy	Tiên	20124507	30/04/2002	5.50	7.30	5.00	8.60	6.80	6.60	x
568	Ngô Thanh	Tiếng	20137122	14/04/2002	4.90	8.60	5.00	7.50	2.00	5.60	
569	Lê Nhất	Tin	16120266	13/08/1998	8.60	6.00	7.80	7.30	8.40	7.60	x
570	Trần Hửu	Tín	19118241	20/12/2001	6.20	6.90	1.90	2.60	6.60	4.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
571	Trần Đức	Tín	17153071	02/09/1999	5.90	8.80	4.00	7.30	5.00	6.20	
572	Hồ Trọng	Tính	21111371	20/11/2003	7.90	7.90	5.50	10.00	6.00	7.50	x
573	Phạmvăn	Toàn	18126182	28/09/2000	7.00	8.50	8.80	7.30	9.00	8.10	x
574	Lê Phạm Nhật	Tường	18139219	04/10/2000	6.50	7.00	6.30	7.30	9.00	7.20	x
575	Lê Thị Lan	Tường	20122582	06/12/2002	5.90	8.60	2.40	9.60	6.50	6.60	
576	Phạm Thị Lam	Tường	20111325	03/03/2002	5.10	7.30	5.40	8.30	5.00	6.20	x
577	Hồ Sĩ	Tưởng	21111161	19/02/2003	4.20	5.60	3.10	7.60	7.30	5.60	
578	Hà Ngọc	Trâm	18115103	20/04/2000	4.90	5.00	4.10	0.00	5.40	3.90	
579	Hồ Bích	Trâm	21111375	07/12/2003	6.40	6.90	9.10	6.90	7.80	7.40	x
580	Huỳnh Trần Minh	Trâm	16137083	18/03/1998	6.90	8.60	3.60	7.60	8.30	7.00	
581	Lê Thị Ngọc	Trâm	20139347	13/08/2002	5.60	2.90	3.40	6.60	6.00	4.90	
582	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	20115275	21/01/2002	4.30	6.10	5.00	7.60	7.00	6.00	
583	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	20139348	22/07/2002	6.80	8.10	6.00	9.10	6.00	7.20	x
584	Nguyễn Phương	Trâm	21120547	28/10/2003	6.10	9.30	9.00	7.50	7.50	7.90	x
585	Nguyễn Thị Bích	Trâm	18122305	16/07/2000	5.90	8.60	5.00	6.50	5.00	6.20	x
586	Đỗ Thị Huyền	Trâm	20120307	22/05/2002	4.50	6.30	5.00	8.30	0.00	4.80	
587	Trần Thị Mai	Trâm	19125397	29/07/2001	6.10	6.40	5.60	7.60	6.50	6.40	x
588	Võ Ngọc	Trâm	20116129	08/07/2002	6.60	6.60	4.10	10.00	5.60	6.60	
589	Lê Ngọc Bảo	Trân	20125749	30/11/2002	5.90	5.50	5.00	7.50	7.30	6.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
590	Lê Thị Huyền	Trân	21117116	01/01/2003	6.40	8.50	8.50	8.80	5.50	7.50	x
591	Mai Ngọc	Trân	20125750	24/05/2002	7.90	7.90	6.10	7.90	7.00	7.40	x
592	Nguyễn Gia	Trân	20123217	22/11/2002	5.50	8.40	5.00	9.60	6.10	6.90	x
593	Nguyễn Đặng Huyền	Trân	19131058	23/03/2001	6.30	8.60	4.40	6.60	1.10	5.40	
594	Nguyễn Thị Bảo	Trân	21126548	21/04/2003	5.40	7.00	5.50	0.90	4.00	4.60	
595	Phạm Huyền	Trân	20128289	06/10/2001	7.50	5.30	8.30	7.00	6.30	6.90	x
596	Nguyễn Lê Thiên	Trang	19131060	22/01/2001	5.20	5.00	6.90	7.50	7.10	6.30	x
597	Nguyễn Đoan	Trang	20114063	02/09/2002	6.00	8.10	6.60	8.60	5.00	6.90	x
598	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	21125440	16/11/2003	6.10	8.90	7.60	6.00	7.50	7.20	x
599	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21117119	20/11/2003	6.10	7.90	5.00	5.60	5.60	6.00	x
600	Nguyễn Thùy	Trang	21129001	17/08/2003	6.40	7.60	3.10	8.10	3.60	5.80	
601	Đinh Thị	Trang	21122770	10/09/2003	6.00	9.10	8.10	7.90	7.60	7.70	x
602	Trương Thị Thùy	Trang	20124528	16/10/2002	4.90	6.90	6.10	5.00	5.00	5.60	
603	Cao Quốc	Trí	15122239	08/06/1997	4.90	5.00	7.00	5.00	5.00	5.40	
604	Trần Quốc	Trí	15124324	13/12/1997	5.40	5.30	6.80	7.30	3.00	5.60	
605	Nguyễn Thị Bích	Triều	21120561	14/04/2003	7.60	8.60	10.00	10.00	10.00	9.20	x
606	Hoàng Kiều	Trinh	21120562	15/05/2003	7.30	5.30	5.50	7.50	6.10	6.30	x
607	Huỳnh Thảo	Trinh	20122557	26/09/2002	4.20	4.10	3.10	3.60	5.00	4.00	
608	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	20155161	10/01/2002	5.40	5.00	5.50	5.00	5.50	5.30	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
609	Nguyễn Thị	Trinh	20116282	30/07/2002	5.40	6.00	5.90	5.60	7.60	6.10	x
610	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	20125766	22/07/2002	7.10	5.50	5.00	8.60	7.10	6.70	x
611	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	21129555	06/07/2003	6.80	5.00	4.10	7.30	5.00	5.60	
612	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	21122367	14/02/2003	6.20	9.60	8.10	7.60	7.90	7.90	x
613	Trần Trung Thảo Tuyết	Trinh	18124166	18/09/2000	5.80	6.60	5.60	6.60	5.00	5.90	x
614	Võ Thị Hồng	Trinh	21135378	26/08/2003	5.60	8.90	5.00	9.60	2.90	6.40	
615	Nguyễn Đức	Trọng	20128295	20/03/2002	4.90	6.50	8.30	7.50	6.50	6.70	
616	Nguyễn Thành Tâm	Trọng	14116301	12/05/1995	5.70	5.50	5.50	5.90	5.80	5.70	x
617	Bùi Trọng	Trường	19118308	15/07/2001	4.40	7.30	6.10	7.30	6.80	6.40	
618	Hồ Nguyễn Phi	Trường	18137047	21/08/2000	4.40	6.60	4.10	7.60	5.60	5.70	
619	Lê Xuân	Trường	19128196	03/05/2001	4.50	7.60	2.90	6.40	6.10	5.50	
620	Lữ Trọng	Trường	20153040	27/09/2002	5.60	6.40	5.00	7.60	8.10	6.50	x
621	Phạm Quang	Trường	21132063	21/07/2003	4.60	5.00	5.60	7.60	4.10	5.40	
622	Võ Minh	Trường	18112241	19/03/2000	6.20	8.90	5.00	10.00	2.40	6.50	
623	Nguyễn Thanh	Trung	20115281	09/07/2002	5.90	7.90	5.60	7.60	7.30	6.90	x
624	Đỗ Ngọc	Trung	16115191	16/08/1998	6.80	5.80	5.80	5.50	5.00	5.80	x
625	Trần Quang	Trung	20111321	17/08/2002	3.90	5.50	3.40	7.50	5.00	5.10	
626	Võ Trần Đình	Trung	19115135	25/10/2001	6.80	7.80	6.50	9.30	5.00	7.10	x
627	Hồ Hoàng Diệu	Trúc	21139479	17/09/2003	6.50	8.10	5.00	7.60	6.60	6.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
628	La Mai Phương	Trúc	20120326	09/12/2002	5.80	7.90	5.00	7.90	7.40	6.80	x
629	Lê Thị Thanh	Trúc	20114058	07/05/2002	5.50	7.40	3.60	7.60	1.60	5.10	
630	Đặng Võ Thanh	Trúc	19128195	01/10/2001	6.70	6.90	5.60	8.40	8.10	7.10	x
631	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	19123171	02/06/2001	7.00	7.80	5.00	8.00	6.30	6.80	x
632	Nguyễn Thị	Trúc	20117136	11/09/2002	5.60	7.10	5.60	8.10	5.00	6.30	x
633	Nguyễn Vương Thanh	Trúc	18126233	12/11/2000	8.30	7.40	8.10	7.60	6.10	7.50	x
634	Nguyễn Thị Lê	Truyền	20123277	28/12/2002	5.60	7.40	6.10	9.10	6.10	6.90	x
635	Hà Hữu Thái	Tuấn	20122578	26/03/2002	5.20	7.00	5.00	7.30	7.30	6.40	x
636	Lương Minh	Tuấn	20137057	03/05/2002	4.70	7.40	3.40	7.90	2.10	5.10	
637	Nguyễn Quốc	Tuấn	20116285	12/08/2002	5.90	7.60	5.00	8.10	3.10	5.90	
638	Thạch Cảnh	Tùng	18163039	30/09/2000	5.40	7.30	3.00	7.80	3.00	5.30	
639	Lê Thị Cẩm	Tú	19111134	08/04/2001	6.20	5.90	5.60	6.90	5.80	6.10	x
640	Nguyễn Thị Việt	Tú	21135382	05/11/2003	6.10	9.00	5.60	7.30	6.10	6.80	x
641	Trần Cẩm	Tú	19122297	23/09/2001	5.40	7.30	6.30	6.10	6.10	6.20	x
642	Huỳnh Thị Kim	Tuyến	21126567	03/02/2003	6.90	5.50	7.00	7.30	8.00	6.90	x
643	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	20120333	16/10/2002	4.20	5.40	5.00	5.60	7.00	5.40	
644	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	21125475	24/12/2003	6.20	9.40	3.40	7.60	0.90	5.50	
645	Lại Thị Thanh	Tuyền	16112384	25/09/1998	5.70	6.30	5.80	8.30	5.50	6.30	x
646	Đặng Thị Sơn	Tuyền	19120237	05/11/2001	5.30	7.80	1.40	2.60	2.60	3.90	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
647	Ngô Thanh	Tuyền	20111134	28/03/2002	6.10	6.00	5.00	6.80	3.50	5.50	
648	Nguyễn Thanh	Tuyền	21139490	20/04/2003	6.40	5.00	4.10	6.40	5.60	5.50	
649	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	21120580	13/11/2003	6.90	6.30	8.30	7.80	6.50	7.20	x
650	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	21126230	02/09/2003	7.30	8.50	7.00	6.50	5.60	7.00	x
651	Nguyễn Vương Thủy	Tuyền	21120582	19/07/2003	6.60	5.00	7.00	7.90	8.10	6.90	x
652	Phan Ngọc	Tuyền	22123171	08/02/2004	5.20	9.10	5.00	8.40	0.00	5.50	
653	Trương Bích	Tuyền	19123174	22/01/2001	5.60	7.30	3.50	7.80	8.60	6.60	
654	Nguyễn Hữu	Tuyên	20126404	22/11/2002	8.30	8.30	9.30	8.00	8.90	8.60	x
655	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	21135385	19/09/2003	5.90	8.90	7.60	7.00	6.00	7.10	x
656	Lương Thị Phương	Uyên	17522045	21/09/1999	6.40	7.40	5.00	7.60	0.60	5.40	
657	Lưu Thị Thu	Uyên	19122308	16/04/2001	5.40	5.50	2.90	6.50	5.00	5.10	
658	Mai Hoàng Dạ	Uyên	21139493	29/10/2003	4.90	8.00	5.00	8.30	5.50	6.30	
659	Nguyễn Thị Châu	Uyên	20113386	16/07/2002	4.90	7.00	6.50	9.50	8.80	7.30	
660	Nguyễn Trần Tú	Uyên	21120588	11/03/2003	4.80	7.30	4.00	6.30	6.60	5.80	
661	Đỗ Phương	Uyên	21126570	26/02/2003	5.00	8.40	3.10	8.60	0.00	5.00	
662	Đàm Thị Lệ	Uyển	18120284	19/10/2000	5.00	7.90	4.00	7.50	8.60	6.60	
663	Dương Thùy	Vân	21122393	04/08/2003	6.60	6.60	9.40	7.10	7.60	7.50	x
664	Huỳnh Thị Thanh	Vân	20139371	15/04/2002	6.40	8.30	5.50	9.30	2.50	6.40	
665	Lê Thị Ngọc Cẩm	Vân	19120243	22/03/2001	6.30	7.30	5.30	6.30	5.00	6.00	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
666	Nguyễn Thị Thúy	Vân	19125444	21/01/2001	5.40	6.00	5.00	7.30	5.00	5.70	x
667	Nguyễn Thùy	Vân	21113343	25/05/2003	4.40	6.60	6.10	7.10	5.50	5.90	
668	Cao Anh	Văn	20125801	28/11/2002	8.30	5.30	6.80	6.50	7.40	6.90	x
669	Lê Thị Thảo	Vi	20122594	15/05/2002	6.70	8.80	8.00	9.50	7.00	8.00	x
670	Nguyễn Nhật	Vi	20123279	25/05/2001	6.10	6.60	3.60	3.60	3.60	4.70	
671	Đỗ Khánh	Vi	20139373	01/05/2002	3.20	7.80	2.90	8.00	5.50	5.50	
672	Phạm Thị Thảo	Vi	21123301	24/09/2003	6.00	7.90	6.10	7.60	3.40	6.20	
673	Trần Thị Thảo	Vi	21135389	17/07/2003	4.30	8.50	2.50	7.30	5.00	5.50	
674	Trần Thị Tường	Vi	20125806	15/03/2002	6.90	5.00	4.30	7.50	6.00	5.90	
675	Trương Thúy	Vi	19126228	10/01/2001	5.00	5.60	1.90	7.60	6.10	5.20	
676	Phạm Thị Minh	Việt	21139497	25/12/2003	7.60	7.30	5.00	7.30	7.40	6.90	x
677	Trương Hải	Việt	20153044	03/11/2002	6.60	6.00	8.80	7.00	6.60	7.00	x
678	Nguyễn Văn	Vinh	20116291	10/03/2002	5.90	0.00	5.00	3.10	5.00	3.80	
679	Phan Thị Mỹ	Vinh	22123176	25/01/2004	6.90	9.30	6.00	7.30	6.10	7.10	x
680	Đoàn Sơn	Vĩ	19128211	08/04/2001	6.40	7.80	3.50	8.00	7.30	6.60	
681	Nguyễn Ngọc	Vương	19111146	26/07/2001	5.40	5.30	1.50	7.30	5.00	4.90	
682	Võ Minh	Vương	20122600	29/07/2002	5.40	9.30	5.80	7.50	10.00	7.60	x
683	A Lê Hoài	Vũ	20112412	15/01/2002	4.30	0.00	0.00	0.00	0.00	0.90	
684	Dương Hàn	Vũ	21118163	17/11/2003	6.90	7.30	6.00	8.80	5.00	6.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
685	Lê Duy	Vũ	21126580	07/02/2003	6.20	6.50	5.00	7.50	7.00	6.40	x
686	Dương Yến	Vy	19126264	19/02/2001	5.40	7.10	5.00	7.60	6.40	6.30	x
687	Hoàng Tuyết	Vy	20139380	27/10/2002	4.40	1.90	7.10	8.60	0.00	4.40	
688	Nguyễn Hà	Vy	19139207	11/10/2001	5.80	6.10	5.00	7.30	8.60	6.60	x
689	Nguyễn Hồng Trúc	Vy	20112415	04/04/2002	6.90	6.90	6.60	7.60	6.80	7.00	x
690	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	19120260	11/09/2001	5.20	9.10	5.00	7.10	9.30	7.10	x
691	Nguyễn Phạm Thúy	Vy	20125816	08/01/2002	6.80	8.00	7.50	7.80	6.90	7.40	x
692	Nguyễn Phan Bảo	Vy	21126245	07/01/2003	5.60	6.00	5.00	7.80	6.00	6.10	x
693	Nguyễn Thị Thúy	Vy	20111341	21/07/2002	6.40	8.00	6.80	9.30	8.80	7.90	x
694	Nguyễn Thị Thúy	Vy	19112232	06/07/2001	4.60	6.50	6.30	7.50	5.00	6.00	
695	Đoàn Mai Hạ	Vy	21125497	23/10/2003	6.40	6.00	6.30	6.80	5.50	6.20	x
696	Đoàn Thanh	Vy	21117053	16/11/2003	5.20	6.80	3.00	7.50	8.60	6.20	
697	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	23112312	17/11/2005	4.60	7.90	2.30	10.00	2.00	5.40	
698	Võ Tường	Vy	21129813	13/05/2003	6.70	6.30	1.90	8.30	5.50	5.70	
699	Hà Thị Thanh	Xuân	19120265	30/04/2001	5.50	5.00	5.50	7.60	7.80	6.30	x
700	Bùi Thị Hồng	Yến	21129860	12/09/2003	5.60	4.50	5.00	10.00	8.10	6.60	
701	Huỳnh Thị Kim	Yến	21129866	15/12/2003	4.20	6.00	2.10	7.80	5.90	5.20	
702	Nguyễn Mai Hoàng	Yến	17155076	06/09/1999	5.40	6.80	4.00	8.40	5.00	5.90	
703	Nguyễn Thị Hải	Yến	17112258	09/06/1999	6.80	5.30	5.00	7.50	8.60	6.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2023

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
704	Phạm Hồng	Yến	19125472	15/03/2001	5.50	7.40	3.00	7.00	7.40	6.10	
705	Trần Thị Mỹ	Yến	20125826	05/05/2002	5.10	5.40	4.10	6.60	5.60	5.40	
706	Bùi Thị Như	Y	20155176	04/12/2002	6.70	5.60	6.50	7.30	6.90	6.60	x
707	Nguyễn Thị Như	Y	21122825	01/05/2003	5.90	3.90	4.40	7.00	6.10	5.50	
708	Phạm Thị Như	Y	20125825	10/04/2002	7.10	9.10	7.10	9.10	10.00	8.50	x

TRUNG TÂM TIN HỌC